

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH G**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HS-ST
Ngày 18 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Liêu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Nhung,

Ông Trần Huy Cửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy, thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Siu Tr, sinh năm 2001 tại huyện C, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Tong Yong, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G.

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kpă K sinh năm 1981 và bà Siu H'P, sinh năm 1983; bị cáo có vợ là Ksor Sur, sinh năm 2002, bị cáo có 01 người con mới sinh tháng 11/2020.

Tiền án: không; Tiền sự: 01, Ngày 25/7/2017 bị công an huyện C, tỉnh G xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau” bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng. Bị cáo chưa nộp tiền phạt.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt

2. Siu S, sinh ngày 27/9/2002 tại huyện C, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Lũh Rung, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G.

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kpă Khlor sinh năm 1981 và bà Siu H'Phier, sinh năm 1983;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt

3. Kpuih U, sinh ngày 09/9/2002 tại huyện C, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Lũh Rung, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G.

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Rmah Huêh sinh năm 1976 và bà Kpuih H'Klung, sinh năm 1978.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt

4. Ksor T (tên gọi khác: T), sinh năm 1995 tại huyện C, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Lũh Rung, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G.

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kpuih Lol sinh năm 1970 và bà Ksor H'Ga, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là chị Siu H'U sinh năm 1995, bị cáo có 02 người con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt

5. Rmah B, sinh năm 1999 tại huyện C, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Plei Thông B, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G.

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kpuih Kuenh sinh năm 1969 và bà Rmah H'Amel, sinh năm 1963; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/7/2020 về hành vi “Cướp tài sản” trong một vụ án khác. Có mặt

- *Người bào chữa cho các bị cáo Kpuih U, Ksor T, Rmah B:* Ông Thái Quốc Toàn, Luật sư cộng tác viên của TrUg tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt

- *Người bào chữa cho các bị cáo Siu Tr, Siu S:* Bà Tr Thị Phụng, Luật sư cộng tác viên của TrUg tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt

- *Bị hại:* Anh Kpă K, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Thông B, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G. Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:* Bà Bùi Thị Phương - Trợ giúp viên pháp lý của TrUg tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Kpă K, sinh năm 1981,

Địa chỉ: Thôn Lũh Rung, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G. Có mặt

2. Chị Kpuih H, sinh năm 1978,

Địa chỉ: Thôn Lũh Rung, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt

+ *Người làm chứng:*

1. Ông Kpuih K, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn Thông B, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G. Có mặt

2. Bà Rmah H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn Thông B, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G. Có mặt

+ *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Ông Nay Đức Linh – Dân tộc Jrai. Có mặt

+ *Người phiên dịch tiếng Bana:* Chị Rmah H'Cheng – Dân tộc Bana. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước, nên vào khoảng 19 giờ ngày 01/3/2020, KPã K cùng Rmah Lor; Kpã Phe; Siu JU; Rmah Huym; Kpuih Hlech và Rmah Bru cùng trú tại Plei Thông B, xã Ia Hnú, huyện C, mang theo dao, gậy đến nhà của Siu Tr tại thôn Lũ Rung xã Ia Hnú, huyện C, tìm Tr để đánh. Khi đến nơi thấy cửa nhà Tr đang khóa nên nhóm thanh niên này đập, phá cửa nhà, thấy vậy Tr bỏ chạy ra phía sau nhà để trốn. Không tìm được Tr nhóm thanh niên này bỏ đi, khi đi qua nhà của chị Kpuì H'Da tại thôn Lũ Rung, xã Ia Hnú thì một người trong nhóm hỏi “Có Tr ở đây không”, thì chị H'Da trả lời “không có”, lúc này phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô BKS 81S1-171.61 (nhãn hiệu YAMAHA loại Excter loại 150), đang dựng ở sân nên nhóm người này hỏi chiếc xe máy này là của ai, chị H'Da trả lời là xe của anh Kpuih Ly, Rmah Huym vào và dắt chiếc xe mô tô trên đi và nói với chị H'Da “Kêu thằng Tr qua xin lỗi rồi tao trả” và bỏ đi. Một lúc sau Tr quay về nhà thì có Siu S (em trai của Tr), Kpuih U, Rmah B và Ksor T đang ở đó, Tr nói với S, U, B và T “đuổi theo đánh lại làng Thông B”, nghe vậy tất cả hiểu rằng đuổi theo để đánh lại những người thanh niên Plei Thông B, xã Ia Hnú thì tất cả đồng ý. Khi đi Tr cầm theo 01 con dao rựa, lưỡi bằng kim loại, cán bằng nhựa, dài khoảng 40 cm cùng với B cầm theo 01 cây gậy gỗ dài khoảng 01 mét đường kính khoảng 04cm đuổi theo một hướng, còn S cầm theo 01 con dao tự chế (mã tấu) dài khoảng 80cm, lưỡi bằng kim loại cong ra sau có mũi nhọn và được mài bén một bên, độ rộng của lưỡi dao chỗ lớn nhất khoảng 05 cm và 01 con dao bấm bằng kim loại dài khoảng 20cm, và có mũi nhọn, cùng với U và T đuổi theo 01 hướng. Khi đuổi theo đến đoạn đường thuộc Plei Thông B, xã Ia Hnú thì S, U và T đuổi kịp được K, S dùng dao rựa chém về phía người của anh K thì anh K đưa tay trái lên đỡ, S chém được khoảng 03 cái thì cán dao bị rơi ra nên S vút lại dưới đất, tiếp đó T xông vào vật ngã anh K xuống đất và dùng tay đánh vào mặt của anh K 02 cái, còn U nhặt được 01 cây gậy le dài khoảng 01 mét ở gần đó và dùng để đánh vào người của anh K 01 cái, tiếp đó S lấy con dao bấm ở trong túi quần ra đâm liên tiếp khoảng 03 cái vào người của K. Lúc này Tr và B cũng chạy tới, Tr dùng dao chém 03 cái trúng tay và vào vùng ngực của K, còn B dùng cây gậy gỗ mang theo đánh 02 cái trúng vào người của K. Sau đó cả nhóm thấy anh K chảy máu ở tay, đầu và ngực nên không đánh nữa và bỏ về, còn Anh K sau đó được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện Đa khoa tỉnh G.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 61 ngày 28/4/2020 và bản kết luận giám định pháp y về vật gây thương tích số 126 ngày 17/6/2020 của TrUg tâm pháp y tỉnh G kết luận về thương tích của anh KPã K như sau:

- Một sẹo vết thương phần mềm vùng thái dương phải kích thước (2x0,4)cm, sẹo liền: 1%.
- Một sẹo vết thương phần mềm vùng cầu vai cổ bên phải kích thước (1,5x0,2)cm, sẹo liền: 1%.

- Một sẹo vết thương phần mềm vùng ngực phải trên nếp nách trước 4cm kích thước (1,7x0,3)cm, sẹo liền: 1%.
- Một sẹo vết thương phần mềm vùng ngực phải khoảng liên sườn 2 kích thước (1,8x 0,3)cm, sẹo liền: 1%.
- Một sẹo vết thương phần mềm vành tai phải kích thước (4x0,1)cm, sẹo liền, mờ: 1%.
- Một sẹo mổ dẫn lưu màng phổi đường nách giữa bên phải kích thước (3x1,7)cm, sẹo liền: 2%.
- Một sẹo vết thương phần mềm nằm ngang mặt mu bàn tay trái+ sẹo mổ hai đầu kích thước 8cm, chưa cắt chỉ, vết thương đã khô: 2%.
- Một sẹo mổ cắt ngang qua vết thương mu bàn tay trái kích thước 4cm, vết thương khô chưa cắt chỉ: 1%.
- Gãy S bàn II, III bàn tay trái + đứt gân duỗi chUg các ngón và gân duỗi dài ngón cái đã khâu nối ảnh hưởng đến chức năng bàn tay và ngón tay bàn tay trái: 15%.
- Tổn thương tràn khí màng phổi phải đã phẫu thuật dẫn lưu không để lại di chứng: 4%.

- Trên siêu âm kiểm tra màng phổi ngày 16/4/2020 ghi nhận tràn dịch màng phổi hai bên lượng vừa nghi do một tình trạng bệnh lý khác gây nên. Nên không có cơ sở để kết luận phần trăm tổn hại cơ thể.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 26%. Áp dụng theo phương pháp cộng theo thông tư 22/2019/TT-BYT.

1. Cơ chế hình thành thương tích: Do sự tác động trực tiếp của ngoại lực.

2. Vật gây thương tích:

- Các thương tích vùng thái dương phải, vành tai phải và mu bàn tay trái là thương tích phù hợp với vật gây thương tích là vật sắc có cạnh bén.

- Các thương tích ở vùng cầu vai cổ bên phải và hai vết thương vùng ngực phải là thương tích phù hợp với vật gây thương tích là vật sắc có mũi nhọn.

Về vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter 150, màu đỏ- đen, có số máy: G3D4E4 82028, số khUg: 0610HY460909 (BKS 81S1- 171.61) đã qua sử dụng, đây là chiếc xe mô tô mà đối tượng Rmah Huym đã lấy từ nhà của chị Kpui H'Da tại thôn Lũ Rung, xã Ia Hnú, huyện C vào tối ngày 01/3/2020. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Kpuih Ly do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 24 ngày 02/7/2020 giao trả cho anh Ly.

- Đối với 01 con dao rựa dài 40 cm, lưỡi dao bằng kim loại có mũi nhọn dài 28 cm nơi rộng nhất là 05cm, cán dao làm bằng nhựa, mà Siu Tr sử dụng để làm công cụ phạm tội. Viện kiểm sát ra quyết định chuyển vật chứng sang Chi cục thi hành án dân sự huyện C để đảm bảo xét xử và thi hành án.

- Đối với 01 con dao tự chế (mã tấu) dài khoảng 80cm, lưỡi bằng kim loại cong ra sau có mũi nhọn và được mài sắc một bên, độ rộng của lưỡi dao chỗ lớn nhất khoảng 05 cm và 01 con dao bấm bằng kim loại dài khoảng 20cm có mũi nhọn; 01 cây gậy gỗ tròn dài khoảng 01 mét đường kính khoảng 04cm và 01 cây le dài

khoảng 01 mét mà Siu S, Rmah B và Kpuih U dùng làm công cụ phạm tội, sau khi thực hiện xong hành vi cố ý gây thương tích cho anh Kpă K, các bị cáo đã vút trên đường về, Cơ quan CSĐT Công an huyện C không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

- Sau khi sự việc xảy ra, gia đình của Rmah B đã thuê xe chở anh Kpă K đi cấp cứu với số tiền là 600.000 đồng và sau đó đưa thêm 200.000 đồng cho anh K bồi dưỡng. Ngoài ra anh Kpă K còn yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm các khoản tiền gồm viện phí, thuốc men, công chăm sóc bệnh nhân, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền đi lại, tiền công lao động với tổng số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và 01 con heo có trọng lượng 25kg trị giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). 05 bị cáo cùng với gia đình đã góp tiền mua 01 con heo để bồi thường theo yêu cầu, đồng thời các bị cáo gồm Siu Tr, Siu S, Kpuih U và Ksor T đã liên đới bồi thường số tiền 12.000.000 đồng. Anh Kpă K yêu cầu Rmah B bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKS ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G đã truy tố các bị cáo Siu Tr, Siu S, Kpuih U, Ksor T, Rmah B về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Siu Tr, Siu S, Kpuih U, Ksor T, Rmah B về tội “Cố ý gây thương tích”, Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Siu Tr; xử phạt bị cáo Siu Tr từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Siu S; Xử phạt bị cáo từ 22 tháng tù đến 27 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Rmah B và Ksor T; Xử phạt mỗi bị cáo từ 24 đến 26 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Kpuih U; Xử phạt bị cáo Kpuih U từ 18 tháng tù đến 22 tháng tù.

Người bào chữa cho các bị cáo Kpuih U, Ksor T, Rmah B là ông Thái Quốc Toàn thống nhất với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng. Xét các bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; Nguyên nhân phạm tội có một phần lỗi của bị hại; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Kpuih U, Ksor T, Rmah B với mức án nhẹ hơn so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo Siu Tr, Siu S là bà Tr Thị Phụng thống nhất với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với S và Tr. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các

bị cáo Siu Tr, Siu S với mức án nhẹ hơn so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xét bị cáo Siu S là người chưa thành niên phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại là bà Bùi Thị Phương thống nhất với ý kiến của người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và người bị hại.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo rất ăn năn hối lỗi về việc làm vi phạm pháp luật của mình; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa lời khai của các bị cáo phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Do bị Kpã K và nhóm bạn đuổi đánh và đập phá tài sản, nên vào khoảng hơn 19 giờ ngày 01/3/2020, Siu Tr rủ Siu S, Kpuih U, Ksor T, Rmah B đuổi theo đánh lại thì được tất cả đồng ý. Tr cầm theo 01 con dao rựa, B cầm theo 01 cây gậy gỗ đuổi theo một hướng; còn S cầm theo 01 mã tấu và 01 con dao bấm cùng với U, T đuổi theo một hướng. S, U và T đuổi kịp anh Kpã K, S dùng mã tấu chém 03 cái về phía anh K, anh K đưa tay trái lên đỡ thì cán dao bị rơi ra nên S rút dao xuống đất, T xông vào vật ngã anh K và dùng tay đánh vào mặt anh K 02 cái, U nhặt 01 cây gậy le đánh 01 cái vào người anh K, tiếp đó S lấy con dao bấm đâm liên tiếp 03 nhát vào người anh K. Lúc này Tr và B chạy tới, Tr dùng dao mang theo chém 03 nhát trúng vào tay và vùng ngực của anh K, B dùng cây gậy gỗ đánh 02 cái trúng vào người anh K. Hậu quả làm Kpã K bị tổn hại sức khỏe 26 % theo kết quả giám định là do các bị cáo dùng dao, mã tấu và gậy gỗ là “*hUg khí nguy hiểm*” quy định tại tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị Quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gây nên là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G đã truy tố các bị cáo Siu Tr, Siu S, Kpuih U, Ksor T,

Rmah B về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, vai trò, nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người bị hại một cách trái pháp luật mà còn trực tiếp xâm hại đến trật tự, trị an ở địa phương. Hiện nay, loại tội phạm xâm hại trực tiếp đến sức khỏe người khác có chiều hướng gia tăng, lấy việc giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực, đã gây dư luận xấu, bất bình trong nội bộ quần chúng nhân dân. Để góp phần lập lại trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, phòng và chống loại tội phạm này. Do đó, cần xử phạt tù các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mới đạt được mục đích giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chUg cho xã hội.

HĐXX xét thấy đây là vụ đồng phạm giản đơn, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người nhưng có sự tiếp nhận mục đích của nhau. Các bị cáo đều có vai trò là người thực hành.

Xét về vai trò và vị trí khi thực hiện hành vi phạm tội thì thấy rằng: bị cáo Siu Tr tham gia thực hiện tội phạm tích cực nhất, là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có vai trò chính của vụ án; Siu S là đồng phạm tham gia thực hiện tội phạm rất tích cực; Thương tích gây tổn hại cho sức khỏe của người bị hại theo kết quả giám định chủ yếu do hành vi của S và Tr gây nên; U, T và B là người tiếp nhận mục đích thực hiện hành vi phạm tội.

Về nhân thân: Bị cáo Siu Tr đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “gây thương tích cho người khác” nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi lầm của bản thân lại tiếp tục phạm tội. Do vậy cần xử phạt tù bị cáo với mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chUg cho xã hội.

Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên toà cũng như quá trình điều tra vụ án, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Tr, S, U, T đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho người bị hại theo yêu cầu; bị cáo Rmah B thuộc hộ cận nghèo nhưng dù không bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại song cũng đã tích cực tác động gia đình thuê xe đưa người bị hại đi cấp cứu và đưa cho người bị hại 200.000 đồng tiền bồi dưỡng, đã bồi thường cho bị hại với tổng số tiền là 1.300.000 đồng; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn; nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội bắt nguồn do lỗi của người bị hại; Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo Tr, S, U, T và Rmah B. Các bị cáo Siu S và Kpuih U khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên được hưởng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 90, Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” đối với bị cáo Siu Tr. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Bị cáo Siu Tr rủ rê S, U, T và B thực hiện hành vi phạm tội mà không thực hiện hành vi xúi giục các bị cáo phạm tội, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Siu Tr. Bị cáo Kpuih U, Ksor T và Rmah B là đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, so với Tr, S thì mức độ phạm tội nhẹ hơn. Kpuih U là người dưới 18 tuổi phạm tội; xử phạt bị cáo Siu Tr nghiêm khắc hơn Siu S, Siu S nghiêm khắc hơn Rmah B; Rmah B nghiêm khắc hơn Ksor T; Ksor T nghiêm khắc hơn Kpuih U là hợp lý. Các bị cáo B, T, U có nhiều tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt tù các bị cáo với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là hợp lý.

[4] Đối với hành vi của các đối tượng KPă K; Rmah Lor; Kpă Phe; Siu JU; Rmah Huym; K puih Hlech và Rmah Bru đã cùng nhau đi tìm Siu Tr để đánh nhưng chưa đánh được. Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với KPă K; Rmah Lor; Kpă Phe theo Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực An ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình. Đối với Siu JU; Rmah Huym; K puih Hlech và Rmah Bru qua xác minh không có mặt tại địa phương, Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, để xử lý là đúng pháp luật.

[5] Đối với hành vi đập phá cửa nhà anh Kpă Khlor (bố Tr) vào tối ngày 01/3/2020 tại thôn Lũh Rung, xã Ia Hrí, huyện C, của các đối tượng KPă K; Rmah Lor; Kpă Phe; Siu JU; Rmah Huym; Kpuih Hlech và Rmah Bru. Quá trình điều tra xác định hành vi đập phá của các đối tượng không gây thiệt hại về tài sản, vì vậy không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

[6] Đối với hành vi dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter 150 của anh Kpuih Ly ở nhà chị Kpui H’Đa vào ngày 01/3/2020 tại thôn Lũh Rung, xã Ia Hrí, huyện C của Rmah Huym. Quá trình điều tra xác định Rmah Huym không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Vì vậy Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, để xử lý là đúng pháp luật.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter 150, màu đỏ- đen, có số máy: G3D4E4 82028, số khUg: 0610HY460909 (BKS 81S1- 171.61) đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Kpuih Ly do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 24 ngày 02/7/2020 giao trả cho anh Ly là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với 01 con dao rựa dài 40 cm, lưỡi dao bằng kim loại có mũi nhọn dài 28 cm nơi rộng nhất là 05cm, cán dao làm bằng nhựa, mà Siu Tr sử dụng để làm công cụ phạm tội. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 con dao tự chế (mã tấu) dài khoảng 80cm, lưỡi bằng kim loại cong ra sau có mũi nhọn và được mài sắc một bên, độ rộng của lưỡi dao chỗ lớn nhất khoảng 05 cm và 01 con dao bấm bằng kim loại dài khoảng 20cm có mũi nhọn; 01 cây gậy gỗ tròn dài khoảng 01 mét đường kính khoảng 04cm và 01 cây le dài khoảng 01 mét mà Siu S, Rmah B và Kpuih U dùng làm công cụ phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện C không thu giữ được nên không đề cập xử lý là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình của Rmah B đã thuê xe chở anh Kpă K đi cấp cứu với số tiền là 600.000 đồng và sau đó đưa thêm 200.000 đồng cho anh K bồi dưỡng. Ngoài ra anh Kpă K còn yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm các khoản tiền gồm viện phí, thuốc men, công chăm sóc bệnh nhân, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền đi lại, tiền công lao động với tổng số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và 01 con heo có trọng lượng 25kg trị giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). 05 bị cáo cùng với gia đình đã góp tiền mua 01 con heo để bồi thường theo yêu cầu, đồng thời các bị cáo gồm Siu Tr, Siu S, Kpuih U và Ksor T đã liên đới bồi thường số tiền 12.000.000 đồng; Yêu cầu Rmah B bồi thường số tiền 3.000.000 đồng còn lại.

Tại phiên tòa, anh Kpă K và Rmah B tự nguyện thỏa thuận; Bị cáo Rmah B bồi thường cho anh K số tiền 3.000.000 đồng. Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo Siu Tr, Siu S, Kpuih U, Ksor T, Rmah B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Rmah B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Siu Tr, Siu S, Kpuih U, Ksor T, Rmah B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Siu Tr.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Siu S.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Kpuih U.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Rmah B và Ksor T.

1.1 Xử phạt bị cáo Siu Tr : 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam để chấp hành án.

1.2 Xử phạt bị cáo Siu S: 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam để chấp hành án.

1.3 Xử phạt bị cáo Rmah B : 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 28/7/2020).

1.4 Xử phạt bị cáo Ksor T (T) : 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam để chấp hành án.

1.5 Xử phạt bị cáo Kpuih U : 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam để chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự; ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Rmah B và người bị hại anh Kpă K, bị cáo Rmah B bồi thường cho anh Kpă K số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử tịch thu, tiêu hủy: 01 con dao rựa dài 40 cm, lưỡi dao bằng kim loại có mũi nhọn dài 28 cm nơi rộng nhất là 05cm, cán dao làm bằng nhựa. Đặc điểm nhận dạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02/11/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc các bị cáo Siu Tr, Siu S, Kpuih U, Ksor T, Rmah B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Rmah B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sUg vào công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm; người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh G;
- Viện kiểm sát tỉnh G;
- VKS huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi Cục THS DS huyện C;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Lưu HS.

Hồ Hoàng Liêu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hạ

H’Bing Buôn Yă

Hồ Hoàng Liêu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thắm H'Bing Buôn Yă

Hồ Hoàng Liêu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Tiến

Phạm Văn NhUg

Hồ Hoàng Liêu